

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 03/2024/HSST

Ngày: 19/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Thanh Hải
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hương
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hoài – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nhữ Như Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa số hóa hồ sơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2023/TLST - HS ngày 27 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Phương Thị Á, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ
Sinh ngày: 12/3/1976; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở : Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Chay; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Phương Hữu T (đã chết); Con bà: Lê Thị L; sinh năm 1954; Chồng: Bùi Xuân C; sinh năm 1975 (đã chết); Con có 01 con: sinh năm 1994; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: 01

Tại bản án số 197/2006/HSST ngày 21/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong Bản án ngày 13/5/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ của Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2 . Bị cáo: Lê Ngọc S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12 tháng 11 năm 1999;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: **Lê Văn T1** (đã chết); Con bà: **Nguyễn Thị L1**; sinh năm 1972; Vợ: **Lương Thị Thúy M**; sinh năm 1999; Con có 02 con: Con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018; Gia đình có 02 (hai) anh, chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/9/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của **Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

(Có mặt tại phiên tòa).

3. Người chứng kiến:

3.1 Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: **Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

3.2 Ông **Lương Đình T3**, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: **Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 45 phút ngày 19/9/2023 tổ công tác **Công an huyện Đ** phối hợp với **Công an xã K, huyện Đ** tuần tra kiểm soát trên địa bàn **xóm L, xã K, huyện Đ** phát hiện **Lê Ngọc S** đang đi bộ trên đường, có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy, tổ công tác yêu cầu **S** dừng lại để kiểm tra. **S** chấp hành, khai nhận mình là người nghiện ma túy và tự giác lấy từ túi quần phía trước bên trái mình đang mặc ra 01 túi nilong màu đen bên trong có chứa chất bột màu trắng (**S** khai nhận là **Heroin**) và giao nộp. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với **S** và thu giữ niêm phong gói chất bột màu trắng trên. Qua xác minh, **S** khai mua Heroine của một người phụ nữ tên **Phương Thị Á**, sinh năm 1976, trú tại **xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** (BL 21-22)

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Lê Ngọc S**, kết quả: không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì (BL 29-30)

Hồi 13 giờ 15 phút ngày 19/9/2023 tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của **Phương Thị Á**, phát hiện thu giữ: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 03 gói nhỏ được bọc bằng túi nilon màu đen bên trong cả 03 gói đều có chứa chất bột màu trắng, nghi là **Heroin** tại túi quần phía trước bên phải **Á** đang mặc; Số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền **ngân hàng N** ngân hàng Nhà nước

Việt Nam, thu giữ tại túi quần phía trước bên trái **Â** đang mặc. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiến hành niêm phong vật chứng theo quy định và ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với **Phương Thị Á** (BL 39-45)

Tiến hành cân xác định khối lượng chất bột màu trắng thu giữ của **S** là 0,184g (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi đi làm mẫu giám định) (BL 33)

Cân xác định khối lượng số chứa chất bột màu trắng thu giữ của **Â** là 0,443g (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi đi làm mẫu giám định) (BL 33)

Tại bản kết luận số 1145/KL-KLHS ngày 27/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận:

+ Chất bột màu trắng gửi giám định trong bì niêm phong ký hiệu A1 thu giữ của **S** là chất ma túy; loại Heroine, có khối lượng là: **0,184 gam**.

+ Chất bột màu trắng gửi giám định trong bì niêm phong ký hiệu A2 thu giữ của **Â** là chất ma túy; loại Heroine, có khối lượng là: **0,443 gam** (BL 35-36)

Tại cơ quan điều tra, **Phương Thị Á** khai; Khoảng 9 giờ ngày 17/9/2023 **Â** đến khu vực gần cổng làng Đ, phường Đ, thành phố T với mục đích tìm mua ma túy loại Heroine về bán lại cho người nghiện kiếm lời. Tại khu vực trên **Â** đã gặp một người đàn ông lạ mặt khoảng 50 tuổi đang ngồi gần đó, thấy người này có nhiều biểu hiện giống người nghiện ma túy nên **Â** hỏi người đó: “ Anh còn không để cho em một triệu” tức là **Â** hỏi người đó còn Heroine không bán cho **Â** với số tiền 1.000.000 đồng(một triệu đồng). Người đó trả lời là còn và đồng ý bán Heroine cho **Â**. **Â** đưa cho người đó 1.000.000 đồng, người đó nhận tiền và đưa lại cho **Â** 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 04(bốn) gói nhỏ bằng túi nilon màu đen đều chứa Heroine. Sau đó **Â** mang số Heroine vừa mua được về nhà cất giấu để bán khi có người nghiện hỏi mua. Đến khoảng 9 giờ 15 phút ngày 19/9/2023 **Lê Ngọc S**, sinh năm 1999; Trú tại: Xóm L, xã K đến nhà **Â** hỏi mua Heroine của **Â** với giá 400.000 đồng. **Â** đồng ý và bán cho **S** 01 (một) gói Heroine với giá 400.000 đồng(Bốn trăm nghìn đồng). Số Heroine còn lại của **Â** bị cơ quan Công an thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp và số tiền 400.000 đồng(Bốn trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là số tiền **Â** bán Heroine cho **Lê Ngọc S**.

Lê Ngọc S khai nhận: Bản thân **S** là người nghiện chất ma túy. Khoảng 09 giờ ngày 19/9/2023, **S** một mình đi bộ từ nhà đến nhà **Phương Thị Á** với mục đích mua ma túy Heroine để sử dụng. Khi đến nơi, thấy bà **Â** ở trong bếp nên **S** đi vào sân. Lúc này **Â** từ trong bếp đi ra chỗ **S** đứng, **S** nói với **Â** “Bán cho cháu bốn trăm”, ý là hỏi mua của **Â** 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền Heroine. **Â** đồng ý. Sau đó, **S** đưa cho **Â** 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), **Â** cầm tiền và lấy từ trong túi quần phía trước bên phải **Â** đang mặc ra 01 (một) túi nilong màu

trắng bên trong có các gói nhỏ được quấn bằng túi nilong màu đen, **Â** lấy 01 (một) gói nhỏ được quấn nilong màu đen bên trong có Heroine đưa cho **S. S** cầm gói **Heroin** vừa mua cất vào túi quần phía trước bên trái mình đang mặc rồi đi bộ ra ngoài để tìm chỗ sử dụng. Khi đi đến đoạn đường thuộc **xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** thì bị tổ công tác **Công an huyện Đ** phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: 04 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A1, A2, LK; LK1; Số tiền 400.000 đồng tiền **Ngân hàng N** nhà nước Việt Nam. Hiện được lưu giữ bảo quản theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 01 /CT-VKSĐH, ngày 26/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố **Phương Thị Á**, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; và **Lê Ngọc S** về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Phương Thị Á** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng: khoản 1, khoản 5 Điều 251 ; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 106; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo **Phương Thị Á** **từ 30 đến 36** tháng tù. Về Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 5 đến 7 triệu đồng đối với bị cáo.

Tuyên bố bị cáo **Lê Ngọc S** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 106; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc S** **từ 18 đến 24** tháng tù. Về Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 04 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A1, A2, LK; LK1; Sung quỹ nhà nước Số tiền 400.000 đồng tiền **Ngân hàng N**.

Về án phí: Buộc bị cáo **Phương Thị Á** và **Lê Ngọc S** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo **Phương Thị Á** và **Lê Ngọc S** đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, 02 bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo **Phương Thị Á** và **Lê Ngọc S** không yêu cầu được nhờ người bào chữa cho các bị cáo và cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hội đồng xét xử, kiểm sát viên đã tham gia xét hỏi hai bị cáo và công bố các tài liệu chứng cứ bằng hình ảnh, các tài liệu thu thập của cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo và của người chứng kiến để làm rõ các nội dung, tình tiết của vụ án một cách khách quan. Tại phiên tòa, bị cáo **Phương Thị Á** và **Lê Ngọc S** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ mô tả, lời khai nhận của **Lê Ngọc S** phù hợp với lời khai nhận của **Phương Thị Á**, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 19/9/2023, tại nhà của **Phương Thị Á** ở **xóm L, xã K, huyện Đ**, **Á** đã bán cho **Lê Ngọc S** 01 gói Heroine có khối lượng **0,184 gam**, với giá 400.000 đồng. Sau khi mua được **Heroin**, **S** cầm gói Heroine cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đi bộ về. Khi đi đến đoạn đường thuộc khu vực **xóm L, xã K, huyện Đ** thì **Công an huyện Đ** phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Hồi 13 giờ 15 phút cùng ngày 19/9/2023 tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của **Phương Thị Á**, phát hiện thu giữ: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 03 gói nhỏ được bọc bằng túi nilon màu đen bên trong cả 03 gói đều có chứa chất bột màu trắng là Heroine, có khối lượng **0,443 gam** tại túi quần phía trước bên phải **Á** đang mặc và Số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền **ngân hàng Nhà nước Việt Nam** tại túi quần phía trước bên trái **Á** đang mặc.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSĐH, ngày 26/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố **Phương Thị Á**, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; và **Lê Ngọc S** về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Khoản 1, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng....”

Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển ..., thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

.....

c) Heroine, **Cocaine**, Methamphetamine.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo **Phương Thị Á** là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm gia tăng người nghiện ma túy trong xã hội, gây mất trật tự trị an. Bị cáo hoàn toàn có đủ nhận thức biết ma túy là chất cấm, được nhà nước quản lý nhưng vẫn cố tình mua bán với mục đích để bán kiếm lời với khối lượng **0,443 gam Heroine**. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên bị cáo đã coi thường pháp luật cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và kinh tế xã hội nhưng do bản thân muốn kiếm tiền bất chính nên bị cáo đã đi mua ma túy về để bán lại cho người nghiện khác để kiếm lời, dẫn bị cáo tới con đường phạm tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Ngọc S** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm

phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo **Phương Thị Á** không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu: Ngày 21/9/2006 bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chấp hành xong Bản án ngày 13/5/2011 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là ông nội và bác của bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ, huy chương chiến sỹ giải phóng, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Bị cáo **Lê Ngọc S** được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy khi lượng hình cần lên một mức án nghiêm khắc, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, buộc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo **Phương Thị Á** mua ma túy để bán lại cho người nghiện kiếm lời nên bị cáo **Á** phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền nộp vào Ngân sách nhà nước. Bị cáo **Lê Ngọc S** tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán để kiếm lời, mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định, không có thu nhập gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

[5]. Vật chứng của vụ án:

+ Đối với 04 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A1, A2, LK; LK1 là vật chứng của vụ án không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu

tiêu hủy.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền **400.000 đồng** là tiền do bị cáo **Phương Thị Á** phạm tội mà có;

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Phương Thị Á** và bị cáo **Lê Ngọc S** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước;

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy là **Heroine** bị thu giữ, bị cáo **Á** khai mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi, không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** không có cơ sở điều tra, làm rõ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 1, khoản 5 Điều 251 ; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Các Điều 106, 136, 329, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố: Bị cáo **Phương Thị Á** phạm tội “ *Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo **Phương Thị Á 36 (Ba mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **19/9/2023**.

- Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo **Phương Thị Á** 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* **Về Hình phạt bổ sung:** Phạt tiền đối với bị cáo **Phương Thị Á 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)** nộp vào Ngân sách nhà nước.

1.2. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Ngọc S** phạm tội : “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo **Lê Ngọc S 18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **19/9/2023**.

- Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo **Lê Ngọc S** 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* **Về Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

đối với bị cáo.

2. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A1;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A2;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: LK (bên trong có 01 vỏ phong bì, 01 mảnh nilon màu đen);

+ 01 (Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: LK1 (bên trong có 01 vỏ phong bì, 01túi nilon màu trắng và 03 mảnh nilon màu đen).

*Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng(Bốn trăm nghìn đồng) tiền **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** là tiền do bị cáo **Phương Thị Á** phạm tội mà có;

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/01/2024 giữa **Công an huyện Đ** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 10/01/2024 giữa **Công an huyện Đ** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Kho bạc nhà nước **huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**).*

3. Án phí: Buộc bị cáo **Phương Thị Á** và bị cáo **Lê Ngọc S** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Phương Thị Á** và **Lê Ngọc S** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã K, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Hồng Thái

